

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
“*V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hưng
- Ông Hoàng Việt Oanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thúy Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2019 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 26/10/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 188/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Trần Công H - sinh năm 1965 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: X, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* **Bị đơn:** Bà Trần Thị Hồng N - sinh năm 1965 (vắng mặt – có đơn từ chối tham gia tố tụng)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: X, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: Y, cư xá TĐ, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Công H trình bày:**

Tôi và bà Trần Thị Hồng N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1990.

Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Thị Khánh H1 - sinh ngày 18/12/1991 và cháu Trần Công H2 – sinh ngày 07/4/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ gây nợ nần dẫn đến kinh tế gia đình phá sản. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân. Nay mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, chúng tôi đã làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà N.

Về con chung: Cháu Trần Thị Khánh H1 đã trưởng thành, đối với cháu Trần Công H2, tôi đồng ý giao cháu H2 cho bà N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đối với cháu Trần Công H2 tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Trần Thị Hồng N được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng bà N không đến, tại đơn từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án và trình bày ý kiến, bà N trình bày: Hiện nay do công việc bà không đến Tòa án để tham gia tố tụng được nên bà từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Công H, về con chung bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Công H2 – sinh 07/3/2004 đến khi trưởng thành, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu H trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Công H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Hồng N, có địa chỉ tại thành phố Buon Ma Thuột, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị Hồng N, bà N đã có đơn từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Công H trình

bày: ông và Trần Thị Hồng N tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hiện nay ông bà đã không còn sống chung với nhau.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày: Tình cảm vợ chồng hiện nay đã không còn và đề nghị giải quyết cho ly hôn với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc ông H yêu cầu ly hôn với bà N và bà N đồng ý ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là Trần Thị Khánh H1 - sinh ngày 18/12/1991 và cháu Trần Công H2 – sinh ngày 07/4/2003. Đối với cháu H1 hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình riêng, cháu H2 hiện nay đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 đến khi thành niên, ông H cũng đồng ý giao cháu H2 cho bà N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu này của các đương sự. Giao cháu H2 cho bà Trần Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Hồng N yêu cầu ông Trần Công H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu H2 với mức 3.000.000 đồng/tháng. Ông Trần Công H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu của bà N và sự tự nguyện cấp dưỡng của ông H là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận

Ông Trần Công H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Ông Trần Công H, bà Trần Thị Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Hồng N tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Công H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên ông Trần Công H

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công H được ly hôn với bà Trần Thị Hồng N

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Công H2 - sinh ngày 07/4/2003 cho bà Trần Thị Hồng N nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Ông Trần Công H có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Công H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trần Công H2 với mức 3.000.000 đồng/tháng, từ tháng 12/2019 đến khi cháu H2 thành niên.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Hồng N tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0012201 ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Công H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND phường TL;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự